TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN Bản án số: 255/2024/DS-ST Ngày 20 - 8 - 2024 V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông Nguyễn Chí Lin

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 711/2023/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2024/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Xuân U, sinh năm 1990

Địa chỉ: 4 Tổ B Ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Xuân U là ông Phạm Quốc S, sinh năm 1981. Địa chỉ: 3 đường C, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân U *trình bày:*

Vào ngày 31/05/2021 tại nhà bà N có địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, bà U và bà N ký hợp đồng vay tài sản với khoản vay với số tiền 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Theo thỏa thuận trong hợp đồng vay thì sau 01 tháng kể từ ngày 31/5/2021 bà N có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi suất hàng tháng cho bà U. Mặc dù nhiều lần bà U liên hệ với bà N yêu cầu bà trả tiền nhưng không thể thực hiện nghĩa vụ trả đúng với khoản vay 235.000.000 đồng và lãi suất kèm theo. Do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả cho bà

U với số tiền là 235.000.000 đồng và lãi suất theo quy định 1.66%/tháng từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tống đạt tất cả các văn bản tố tụng cho bà nhưng bà không có ý kiến phản hồi gì về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân U nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là:"*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Nguyễn Thị Xuân U là người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị N là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: Ông Nguyễn Thị Xuân U yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Xuân U có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: bà Nguyễn Thị Xuân U khởi kiện yêu cầu bà N trả 235.000.000 đồng tiền mượn và lãi chậm trả 1.66%/tháng. Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do nguyên đơn cung cấp gồm có: Giấy mượn tiền ngày 31/5/2021.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Các đương sự xác định đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[1.4]. Về việc xét xử vắng mặt: Bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn xắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2].Về nội dung:

Bà N có thỏa thuận với bà U mượn 235.000.000 đồng vào ngày 31/5/2021. Thời hạn mượn 01 tháng, theo giấy nợ ghi thì các bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên đến hạn bà N không trả cố tình né tránh trách nhiệm trả nợ. Bà N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng bà vẫn không đến Tòa án phản hồi ý kiến gì về việc giải quyết vụ án. Xét việc chậm trả của bà N làm ảnh hưởng quyền lợi bà U nên cần buộc bà N trả bà U 235.000.000 đồng. Theo giấy nợ các bên không thỏa thuận lãi nên Hội đồng xét xử cần tính theo mức lãi 0.83%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 30/6/2021 đến khi xét xử sơ thẩm là phù hợp Điều 468 Bộ luật dân sự.

Phần lãi được tính như sau: 235.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 37 tháng 20 ngày = 73.468.833 đồng.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà N phải chịu án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân U về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân U 235.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 73.468.833 đồng. Tổng cộng: 308.468.833 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm ba mươi ba đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N1 quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà N phải nộp 15.423.441 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà Nước. H lại cho bà U số tiền tạm ứng án phí là 5.785.000 đồng theo biên lai số 0006114 ngày 13/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

5.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mộng T